TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 22/2019/HNGĐ - ST
Ngày 10-5-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Văn Khắc
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 10/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST- HNGĐ ngày 03/4/2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Bùi Mạnh H; Sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn Ng, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Có mặt

2.Bị đơn: Chị Lê Thị T; Sinh năm: 1976
Địa chỉ: Thôn Ng, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019, trong bản tự khai ngày 04/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay, anh Bùi Mạnh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2002 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống. Trong cuộc sống nhiều lúc không tôn trọng nhau nên thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến xô sát. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai đều cảm thấy mệt mỏi, chán

nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Thùy T, sinh ngày 11/6/2001 và Bùi Trà M, sinh ngày 14/4/2006. Do các cháu đều là con gái nên anh H đề nghị giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản : Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 10/4/2019, chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Mạnh H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2002 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống. Trong cuộc sống nhiều lúc không tôn trọng nhau nên thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến xô sát. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Thùy T, sinh ngày 11/6/2001 và Bùi Trà M, sinh ngày 14/4/2006. Do các cháu đều là con gái nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản : Chị Thanh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành Thành và nguyên đơn đã tuân thủ, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy giữa anh H và chị T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 để xử cho anh H và chị T được ly hôn. Về con cái, giao cháu Bùi Thùy T, sinh ngày 11/6/2001 và Bùi Trà M, sinh ngày 14/4/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng), hai cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết

tắt là BLTTDS) và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[5].Về hôn nhân: Anh Bùi Mạnh H và chị Lê Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2002 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống. Trong cuộc sống nhiều lúc không tôn trọng nhau nên thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến xô sát. Đến đầu năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này cả anh H và chị T đều thừa nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã N xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả anh H và chị T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Bùi Mạnh H được ly hôn chị Lê Thị T.

[6].Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Thùy T, sinh ngày 11/6/2001 và Bùi Trà M, sinh ngày 14/4/2006. Xét thấy, hai cháu là con gái, ở với mẹ sẽ phù hợp về mặt tình cảm và giới tính, mặt khác cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh H và chị T, giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng), hai cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[7].Về tài sản: Anh H và chị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8].Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a

khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1.Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Mạnh H được ly hôn chị Lê Thị T.

2.Về con cái: Giao hai con là Bùi Thùy T, sinh ngày 11/6/2001 và Bùi Trà M, sinh ngày 14/4/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000đ(Một triệu đồng), hai cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Anh Bùi Mạnh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh H đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2016/0003603 ngày 03/4/2019, anh H còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Bùi Mạnh H, vắng mặt chị Lê Thị T. Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc